TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2025/DS-PT
Ngày 11-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 789/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số E, đường L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1989, địa chỉ: số C ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/01/2025)

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: G N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Bá H2, sinh năm 1975, địa chỉ thường trú: số A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên hệ: số D L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/8/2025)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số C, ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Hà Tấn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ G, phường D, Đặc khu P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Hà Tấn P: ông Nguyễn Bá H2, sinh năm 1975, địa chỉ thường trú: số A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên hệ: số D L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2026)

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2025, và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H do bà Nguyễn Thị Minh T đại diện trình bày:

Vào ngày 30/11/2024, bà H có cho bà Nguyễn Thị H1 vay số tiền 1.962.000.000 đồng, mục đích vay để trả tiền vay đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận thời gian vay từ ngày 30/11/2024 đến ngày 31/12/2024 trả gốc và lãi. Trong giấy nợ không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng. Đến thời hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị H1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H. Bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà H số nợ gốc là 1.962.000.000 đồng và tiền lãi là 0.83%/tháng tương ứng với 10%/năm kể từ ngày vay 01/1/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2025) là 08 tháng 17 ngày.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 do ông Nguyễn Bá H2 đại diện trình bày:

Vào ngày 08/3/2024, bà H1 có vay của bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 01 tỷ đồng không viết giấy nợ, bà T đã chuyển tiền cho bà H1 và lấy trước tiền lãi 10 ngày là 100.000.000 đồng, sau đó bà H1 đã chuyển lại cho bà T 100.000.000 đồng vào cùng ngày 08/3/2024.

Sau đó bà H1 có chuyển trả tiền lãi cho bà T tổng cộng là 560.000.000 đồng vào các ngày: 08/3/2024 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 22/3/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 26/3/2024 số tiền 60.000.000 đồng; ngày 01/4/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 03/4/2024 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/4/2024 số tiền 40.000.000 đồng; ngày 25/4/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 07/5/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 13/5/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 18/5/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 04/6/2024 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 25/6/2024 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 31/7/2024 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 19/8/2024 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/11/2024 số tiền 10.000.000 đồng.

Theo giấy vay ngày 30/11/2024, bà H1 thừa nhận chữ viết và chữ ký là của bà H1. Ngày 30/11/2024 bà Nguyễn Thị Minh T đến nhà bà H1 và yêu cầu bà H1 viết giấy nợ với số tiền là 1.962.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng

và 962.000.000 đồng tiền lãi. Trong giấy nợ, người đứng ra cho vay tiền là bà H không phải là bà T, bà H1 có hỏi bà H là ai thì bà T nói là mẹ ruột của bà T. Bà H1 đồng ý chỉ vay tiền của bà T chứ không vay tiền của bà H vì giữa bà H1 và bà H không quen biết. Bà H1 vay tiền của bà T thì sẽ trả tiền cho bà T nhưng do làm ăn khó khăn nên bà H1 xin được trả số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và 400.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.400.000.000 đồng vì trước đó bà H1 cũng đã trả lãi là 560.000.000 đồng nên xin được giảm tiền lãi.

Bà H1 xác định số tiền 01 tỷ đồng vay dùm cho ông Hà Tấn P với lãi suất 10 ngày là 100.000.000 đồng được thể hiện qua tin nhắn zalo bằng số điện thoại 0983367209 do bà T sử dụng có ghi nội dung Nguyễn Thị H1 chuyển khoản. Số tiền còn lại bà H1 chuyển cho ông Hà Tấn P 900.000.000 đồng trong 2 lần, mỗi lần 450.000.000 đồng, qua số tài khoản 99999090992003 tại Ngân hàng H3. Ngày 07/11/2024 bà T yêu cầu bà H1 viết giấy nợ 1.962.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và 962.000.000 đồng tiền lãi nhưng ghi trong giấy nhận nợ là ngày 30/11/2024 và hẹn trả vào tháng 12/2024. Khi viết giấy nợ thì bà H1 có hỏi tại sao ghi giấy nợ với tên người cho vay là bà H thì bà T có nói là mẹ con ghi sao cũng được. Sau khi viết giấy nợ bà H1 có chụp hình gửi ông P thì ông P có nhắn tin cho bà H1 hỏi là tiền gì mà ghi nợ 1.962.000.000 đồng. Theo Vi bằng số 325/2025/VB-TPL ngày 20/8/2025 thì giữa bà H1 và ông P chứng minh được giấy nợ ghi ngày 30/11/2024 là cộng luôn tiền lãi là 1.962.000.000 đồng và giấy này viết vào ngày 7/11/2024.

Bà H1 đồng ý trả nợ gốc 1.000.000.000đồng và 400.000.000 đồng lãi. Tổng cộng là 1.400.000.000 đồng nhưng trả cho bà T chứ không phải trả cho bà H vì không vay tiền bà H, hủy giấy vay tiền ngày 30/11/2024 giữa bà H và bà H1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Vào ngày 30/11/2024, khi bà cho bà H1 vay tiền thì ghi giấy nợ là Nguyễn Thị Ngọc H đứng giấy cho vay, khi bà H1 hỏi bà H là ai, bà T nói và bà H1 cũng biết việc bà H là mẹ ruột bà T. Vì bà T không có tiền cho bà H1 vay nên bà T nhờ bà H đi vay tiền giúp bà H1. Khi bà H1 nhận tiền, biết tiền này của bà H và đã đồng ý viết giấy nhận nợ với bà H, hơn nữa số tiền cho vay là của bà H nên bà H1 có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Bà có cho bà H1 vay nhiều lần trước đó nhưng bà không khởi kiện trong vụ án này.

Đối với số tiền lãi 560.000.000đồng do bà H1 tự chuyển và là khoản nợ vay khác giữa bà và bà H1, giữa bà và bà H1 sẽ thương lượng giải quyết bên ngoài, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Còn việc bà H1 nói vay tiền dùm cho ông P thì bà không biết, bà chỉ biết bà H1 là người vay tiền.

Nội dung các tin nhắn qua ứng dụng zalo giữa bà H1 với bà theo Vi bằng số 325/2025/VB- TPL lập ngày 20/8/2025 qua số điện thoại số 0983367209 là những khoản tiền trước đó giữa bà và bà H1, không liên quan đến khoản vay của bà H và bà H1.

Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P trình bày:

Ông có nhờ bà H1 vay số tiền 01 tỷ đồng, còn bà H1 vay ai thì thì ông không biết, ông cũng không biết bà T. Khi vay tiền thì trừ trước 100.000.000 đồng tiền lãi lần đầu nên bà H1 chuyển cho ông 900.000.000 đồng.

Ngày 07/11/2024, bà H1 có nhắn tin và gửi hình giấy nợ ghi giữa bà H1 với bà H số tiền 1.962.000.000 đồng, ông có hỏi là tiền gì, thì bà H1 nói trong đó có cả tiền lãi được tính trong phần tiền 1.000.000.0000 đồng. Từ ngày vay nợ đến ngày ghi nợ là lãi 962.000.000 đồng. Hiện nay ông chưa trả tiền cho bà H1 để bà H1 trả cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.101.519.999 đồng (hai tỷ, một trăm lẻ một triệu, năm trăm mười chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 74.030.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H 36.041.830 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001412 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1 –Tây Ninh)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 25/9/2025, Toà án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn và ngày 01/10/2025 nhận được đơn kháng cáo của ông Hà Tấn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án, kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy giấy nhận nợ ngày 30/11/2025 do bà H1 bị ép buộc viết. Bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất quá hạn 10%/năm cho số nợ 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 08/3/2025 cho đến khi trả hết sau khi trừ đi khoản tiền lãi 560.000.000 đồng bà H1 đã trả cho bà T trước đó.

Trong phiên tòa phúc thẩm ngày 09/01/2026, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được

với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung thêm như sau:

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày cho rằng, bà H1 không vay và không nhận số tiền 1.962.000.000 đồng từ bà H vào ngày 30/11/2024, giữa bà H1 và bà H không có quan hệ vay tiền. Giấy nhận nợ đề ngày 30/11/2024 do bà đứng tên người vay là do bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu bà viết, thực tế được lập vào ngày 07/11/2024, không có việc giao nhận tiền, nhằm ghi nhận số tiền lãi phát sinh từ khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 08/3/2024 giữa bà và bà T.

Ngày 08/3/2024, bà đứng ra vay dùm cho ông P 1.000.000.000 đồng, lãi suất 100.000.000 đồng/10 ngày; bà đã nhiều lần chuyển tiền lãi cho bà T với tổng số tiền 560.000.000 đồng. Việc ghi số tiền 1.962.000.000 đồng trong giấy nhận nợ là cộng dồn tiền lãi của khoản vay này, không phải là khoản vay mới.

Giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 không phản ánh đúng bản chất giao dịch, là giao dịch giả tạo, đề nghị hủy giấy nhận nợ nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 08/3/2024, bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn 10%/năm theo quy định pháp luật, sau khi trừ số tiền lãi đã thanh toán; đề nghị Tòa án không buộc bà phải trả tiền cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Ông Hà Tấn P trình bày cho rằng, ông P nhờ bà H1 vay tiền dùm để phục vụ việc đáo hạn ngân hàng; khoản vay thực tế phát sinh ngày 08/3/2024 với số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 100.000.000 đồng/10 ngày. Khi vay, tiền lãi 100.000.000 đồng đã được trừ trước nên bà H1 chỉ chuyển cho ông số tiền 900.000.000 đồng. Giấy nhận nợ đề ngày 30/11/2024 đứng tên bà H là không phản ánh đúng bản chất giao dịch; thực tế không có việc bà H giao tiền cho bà H1. Việc lập giấy nhận nợ này là để cộng dồn tiền lãi phát sinh từ khoản vay 1.000.000.000 đồng, không phải là khoản vay mới độc lập. Ông nhận được hình ảnh giấy nhận nợ từ bà H1 vào ngày 07/11/2024 và đã thắc mắc về số tiền 1.962.000.000 đồng ghi trong giấy; bà H1 giải thích đây là số tiền đã cộng tiền lãi của khoản vay trước. Đến nay, ông chưa trả tiền cho bà H1 để bà H1 trả cho bà T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo về việc sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; xác định giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị Minh T giữ nguyên lời trình bày đã khai tại cấp sơ thẩm; không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 và ông Hà Tấn P. Bà T cho rằng, vào ngày 30/11/2024, bà trực tiếp đến nhà bà H1 giao tiền cho bà H1 vay; do bà không có đủ tiền nên đã nhờ mẹ ruột là bà H đứng tên cho vay. Bà H1 biết rõ bà H là mẹ ruột của bà T và đã tự nguyện viết giấy nhận nợ đứng tên bà H với số tiền 1.962.000.000 đồng, thời hạn trả trong tháng 12/2024. Số tiền 1.962.000.000 đồng là khoản vay độc lập, không liên quan đến khoản vay 1.000.000.000 đồng phát sinh ngày 08/3/2024 giữa bà T và bà H1. Đối với các khoản tiền lãi tổng cộng 560.000.000 đồng mà bà H1 đã chuyển là tiền lãi của các khoản vay khác giữa bà và bà H1, không liên quan đến khoản vay đứng tên bà H trong vụ án này. Bà không thừa nhận việc giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 được lập

vào ngày 07/11/2024 hoặc chỉ nhằm ghi nhận tiền lãi như bà H1, ông P trình bày, việc bà H1 trình bày bị ép buộc viết giấy nhận nợ là không đúng sự thật.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 08/3/2024 và các khoản tiền lãi liên quan, bà T xác định nếu phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong phiên tòa phúc thẩm ngày 11/02/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H do bà Nguyễn Thị Minh T đại diện, bà T đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 do ông Nguyễn Bá H2 đại diện, ông H2 đồng thời đại diện cho ông Hà Tấn P cũng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, ông Hà Tấn P đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền vay 1.962.000.000 đồng cùng lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2025) và cung cấp giấy nhận nợ ngày 30/11/2024.

Bà H1 thừa nhận ngày 30/11/2024, bà có viết giấy nhận nợ vay bà H số tiền 1.962.000.000 đồng. Trong đó, vay gốc là 01 tỷ đồng, còn 962.000.000 đồng là tiền lãi (có 560.000.000 đồng tiền lãi đã nhiều lần chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Minh T để trả lãi) và đồng ý trả số tiền 1.400.000.000 đồng còn lại. Bà H1 cho rằng bà chỉ vay tiền bà T không vay tiền bà H, không đồng ý trả tiền cho bà H.

Qua giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 thể hiện bà Nguyễn Thị H1 có mượn bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.962.000.000 đồng, trong vòng tháng 12 sẽ hoàn trả số tiền trên, ngoài ra không thể hiện nội dung khác nên lập luận của bà H1 cho rằng trong số tiền 1.962.000.000 đồng trong đó có tiền lãi 962.000.000 đồng là không có căn cứ.

Qua sao kê tài khoản của bà H1 thể hiện ngày 08/3/2024, Nguyễn Thị Minh T có chuyển khoản cho bà H1 số tiền 999.999.998 đồng và từ ngày 8/3/2024 đến 11/11/2024 bà H1 đã nhiều lần chuyển vào tài khoản chị T để trả tiền lãi, các nội dung chuyển khoản trả lãi không thể hiện trả lãi cho khoản vay ngày nào. Bà T không thừa nhận mà cho rằng các lần chuyển khoản này là bà H1 trả lãi cho khoản vay bà T cho bà H1 vay riêng, không liên quan đến khoản vay 1.962.000.000 đồng của bà H. Mặt khác, các lần chuyển khoản này là trước ngày 30/11/2024 các bên ký giấy nợ số tiền 1.962.000.000 đồng nên việc bà H1 cho rằng 560.000.000 đồng trả lãi cho khoản vay của bà H là không có cơ sở.

Bà H1, ông P cho rằng ông P có nhờ bà H1 vay 01 tỷ đồng, sau khi vay bà H1 đã chuyển khoản đến tài khoản ông P, sau khi ký giấy vay ngày 30/11/2024 bà H1

có chụp hình giấy vay cho ông P xem và các bên có trao đổi cho rằng trong đó gốc là 01 tỷ đồng, lãi là 962.000.000 đồng, cũng không được bên bà H thừa nhận. Đây là quan hệ pháp lý độc lập giữa bà H1 và ông P, các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 không thể hiện lãi suất, thời hạn vay trong vòng tháng 12 trả. Đến ngày 30/12/2024, bà H1 không trả tiền cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc bà H yêu cầu trả lãi chậm trả mức 0,83%/tháng (10%/năm) từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2025) là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy vay ngày 30/11/2024, việc thừa nhận của bà H1 có viết giấy nhận nợ đã buộc bà H1 có trách nhiệm trả gốc, lãi số tiền 2.101.519.999 đồng là có căn cứ theo Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Bà H1 kháng cáo cho rằng giấy vay ngày 30/11/2024 do bị ép buộc ký và đề nghị hủy giấy vay này nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh T có mặt trong phiên tòa ngày 09/01/2026, sau khi ngừng phiên tòa, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lại vào ngày 02/02/2025 thì bà H vắng mặt, bà T có mặt. Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa đến ngày 11/02/2026, bà H cùng bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

[2.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P do ông Nguyễn Bá H2 đại diện có mặt trong phiên tòa ngày 09/01/2026, vắng mặt khi Tòa án ra quyết định xét xử lại vụ án và khi Tòa án mở lại phiên tòa lần thứ hai, có đơn xin hoãn phiên tòa hoặc xin xét xử vắng mặt

[2.3] Xét thấy, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ thể hiện đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, ông H2 đề nghị Tòa án căn cứ vào Biên bản phiên tòa ngày 09/01/2026 để xét xử vụ án. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 30/11/2024 là 1.962.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của bà H là Giấy nhận nợ ngày 30/11/2024. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Tấn P không thừa nhận việc nhận số tiền 1.962.000.000 đồng từ bà H; cho rằng giấy nhận nợ nêu trên thực chất được lập vào ngày

07/11/2024 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T, không kèm theo việc giao nhận tiền, nhằm ghi nhận số tiền lãi phát sinh từ khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 08/3/2024 giữa bà H1 và bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Nguyễn Thị H1 thanh toán cho bà H tổng số tiền 2.101.519.999 đồng, bao gồm nợ gốc và lãi do chậm trả. Vì vậy bà H1 cùng ông P kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H1 cùng ông P không đồng ý thanh toán tiền cho bà H, bà H1 cho rằng giấy vay tiền ngày 30/11/2024 là giả tạo, không có việc giao nhận tiền thực tế; khoản tiền này thực chất là giao dịch vay giữa bà H1 và bà Nguyễn Thị Minh T; đồng thời cho rằng số tiền ghi trong giấy vay đã bao gồm tiền lãi phát sinh trước đó. Ông Hà Tấn P cho rằng ông P là người nhờ bà H1 vay tiền; nội dung tin nhắn Zalo trao đổi giữa ông và bà H1 ngày 07/11/2024 thể hiện giấy vay được lập trước thời điểm ghi trong giấy và số tiền 1.962.000.000 đồng là số tiền đã cộng lãi, do đó đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng:

[4.1] Giấy nhận nợ ghi ngày 30/11/2024 thể hiện, bà Nguyễn Thị H1 vay của bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.962.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H1 thừa nhận giấy nhận nợ do bà tự viết và ký tên; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà bị ép buộc, lừa dối hoặc nhầm lẫn khi lập giấy vay. Do đó, đây là chứng cứ trực tiếp xác lập quan hệ vay tài sản giữa bà H1 và bà H. Đối với lập luận cho rằng giấy vay là giả tạo và không có việc giao nhận tiền, bà H1 và ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giao dịch được xác lập nhằm che giấu một giao dịch khác hoặc không có ý chí giao kết thực sự theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự. Nội dung tin nhắn Zalo ngày 07/11/2024 chỉ thể hiện việc trao đổi về khoản tiền và cách tính tiền, không thể hiện việc các bên thỏa thuận lập giao dịch giả tạo hoặc phủ nhận việc nhận tiền vay. Mặt khác, ông P thừa nhận có nhờ bà H1 vay tiền và đã nhận số tiền 900.000.000 đồng do bà H1 chuyển. Lời khai này phù hợp với mục đích vay tiền và diễn biến giao dịch, thể hiện dòng tiền thực tế đã phát sinh. Quan hệ vay dùm giữa bà H1 và ông P là quan hệ nội bộ, không làm thay đổi nghĩa vụ thanh toán của người đứng tên vay đối với bên cho vay.

[4.2] Đối với ý kiến cho rằng số tiền ghi trong giấy vay đã bao gồm tiền lãi phát sinh trước đó, các đương sự không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc nhập lãi vào nợ gốc hoặc có thỏa thuận gộp lãi vào khoản vay ngày 30/11/2024. Các khoản tiền bà H1 chuyển cho bà Nguyễn Thị Minh T trước thời điểm lập giấy vay không phải chuyển cho bà H và đã được xác định là các giao dịch vay khác, không liên quan đến khoản vay đang tranh chấp. Việc tin nhắn thể hiện giấy vay được chuẩn bị trước thời điểm ghi trong giấy không làm vô hiệu giao dịch, vì pháp luật không quy định thời điểm lập giấy vay phải trùng với thời điểm giao tiền; đồng thời không có chứng cứ chứng minh giao dịch vay không phát sinh trên thực tế. Do giấy vay không thỏa thuận lãi suất và bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên việc áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, công khai và đánh giá chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 93, 95, 97 và 108 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã được tạo

điều kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến và tranh luận công khai tại phiên tòa. Những chứng cứ do bà H1 và ông P cung cấp, bao gồm vi bằng ghi nhận nội dung tin nhắn điện tử, đã được xem xét đầy đủ, khách quan, đối chiếu với lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trước khi đưa ra kết luận. Đối với nội dung tin nhắn điện tử, đây chỉ là dữ liệu thể hiện quá trình trao đổi thông tin giữa các cá nhân, không phải là thỏa thuận thể hiện ý chí chung về việc xác lập giao dịch giả tạo, cũng không phản ánh việc các bên phủ nhận nghĩa vụ vay tiền. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lập luận cho rằng giao dịch vay là giả tạo là phù hợp với nguyên tắc đánh giá chứng cứ toàn diện, khách quan và theo quy định pháp luật. Nghĩa vụ chứng minh thuộc về người đưa ra yêu cầu phản đối nghĩa vụ dân sự. Trong vụ án này, bà H1 cho rằng không có việc giao nhận tiền và giao dịch chỉ mang tính hình thức, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh cho lập luận này. Trong khi đó, giấy nhận nợ do chính bà H1 lập và ký tên là chứng cứ trực tiếp xác lập nghĩa vụ trả nợ; lời khai của ông P về việc nhận tiền từ bà H1 càng củng cố việc khoản vay đã phát sinh trên thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 và ông P là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H1, ông P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, ông Hà Tấn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 370, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.101.519.999 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 74.030.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004991 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà H1 phải nộp tiếp số tiền 74.030.400 đồng.

Ông Hà Tấn P phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0005276 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H 36.041.830 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001412 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1 –Tây Ninh)

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga